

Số: 88.26/KT02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
- Loại mẫu : Khí thải
- Số lượng : 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu : 30/3/2026
- Ngày trả kết quả : 10/4/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	106	US EPA 05 (*)
02	SO ₂	mg/Nm ³	0	QT-KT-008 (*)
03	CO	mg/Nm ³	661,2	QT-KT-008 (*)
04	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	67,99	QT-KT-008 (*)

Ghi chú:

- 88.26/KT02: Khí thải tại ống khói lò hơi 08 tấn hơi/giờ (sử dụng nhiên liệu trấu)
- (*): Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 304
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH



Nguyễn Hoàng Việt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Trung Nghiệm

Số: 89.26/NT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
- Loại mẫu : Nước thải
- Số lượng : 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu : 30/3/2026
- Ngày trả kết quả : 16/4/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
01	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	13,8	TCVN 6001-1:2021
02	Sắt (Fe)	mg/L	<0,03 (LOQ = 0,03)	TCVN 6177:1996
03	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	29,5	SMEWW 5220C:2023
04	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	19,6	TCVN 6625:2000
05	Tổng Photpho	mg/L	0,25	SMEWW 4500-P.B&E:2023
06	Tổng Nitơ	mg/L	10,5	TCVN 6638:2000
07	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	789,0	TCVN 6194:1996
08	Clo dư	mg/L	<0,6 (LOQ = 0,6)	TCVN 6225-3:2012
09	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	4,9x10 ²	SMEWW 9221B:2023
10	Độ màu	Pt-Co	17,9	SMEWW 2120C:2023 (*)
11	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	SMEWW 3111B:2023 (*)
12	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	0,0014	MEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023 (*)
13	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD = 0,0015)	SMEWW 5530B&C:2023 (*)
14	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,1	SMEWW 5520B&F:2023 (*)
15	Sulfua	mg/L	0,12	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 (*)
16	Florua	mg/L	0,32	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023 (*)

Ghi chú:

- 89.26/NT01: Nước thải sau HTXLNT của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
- “LOD”: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích phòng thí nghiệm; “KPH”: Không phát hiện.
- “LOQ”: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích phòng thí nghiệm.

- (*): Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 304.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Mẫu được lưu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ mẫu vi sinh.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

**TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH**



Nguyễn Hoàng Việt

GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Hiếu

